

TỪ VỰNG TIẾNG ANH LỚP 8 THEO TỪNG UNIT

UNIT 11 TRAVELLING AROUND VIETNAM CÓ ĐÁP ÁN

A. Language Focus:

1. -ed and -ing participles
2. Request with:
 - Do you mind if I + V(BI)...
 - Would you mind if I + VED/ 2...?
 - Would/ Do you mind + V-ing...?

B. Vocabulary:

1. recognize /'rekəgnaɪz/(v): nhận ra
2. harbour /'hɑ:bə(r)/ (n): cảng
3. UNESCO: tổ chức UNESCO
4. heritage /'herɪtɪdʒ/(n): di sản
5. sugar cane /'ʃʊɡə(r) 'keɪn/(n): cây mía
6. magnificent /mæɡ'nɪfɪsnt/(n): lộng lẫy, đầy ấn tượng
7. luggage /'lʌɡɪdʒ/(n): hành lý
8. cave /keɪv/(n): cái hang

9. tourist /'tʊərɪst/(n): khách du lịch
10. limestone /'laɪmstəʊn/(n): đá vôi
11. expression /ɪk'spreʃn/(n): sự diễn tả
12. sand /sænd/(n): cát
13. sunbathe /'sʌnbæð/(v): tắm nắng
14. suggest /sə'dʒest/(v): gợi ý
15. suggestion /sə'dʒestʃən/(n): sự gợi ý
16. florist /'flɒrɪst/(n): người bán hoa
17. import /ɪm'pɔ:t/(v): nhập khẩu
18. revolutionary /ˌrevə'lu:ʃənəri/(n): cách mạng
19. adventure /əd'ventʃə(r)/(n): cuộc phiêu lưu
20. seaside /'si:səɪd/(n): bờ biển
21. canoe /kə'nu:/(n): ca nô, xuồng
22. resort /rɪ'zɔ:t/(n): vùng, khu nghỉ mát
23. hire /'haɪə(r)/(v): thuê
24. oceanic /ˌəʊʃɪ'ænik/(a): thuộc về đại dương
25. rescue /'reskju:/(v): cứu hộ
26. institute /'ɪnstɪtju:t/(n): học viện, viện nghiên cứu

- 27. giant /'dʒaɪənt/(a): to lớn, khổng lồ
- 28. buddha /'bʊdə/(n): phật
- 29. lean/li:n/(v): nghiêng đi, dựa, tựa
- 30. offshore /,ɒf'ʃɔ:(r)/(n): ngoài khơi
- 31. overturn/əʊvə'tɜ:n/ (v): lật đổ, lật úp
- 32. island /'aɪlənd/(n): hòn đảo
- 33. accommodation /ə,kəmə'deɪʃn/(n): chỗ ở
- 34. stumble /'stʌmbl/(v): vấp, ngã
- 35. realize /'ri:əlaɪz/(v): nhận ra
- 36. make in (v): sản xuất tại
- 37. eternal /ɪ'tɜ:nl/(n): vĩnh cửu
- 38. keep in (v): giữ
- 39. wrap in (v): gói, bọc, quấn
- 40. tribe /traɪb/(n): bộ tộc, bộ lạc
- 41. cigarette /,sɪgə'ret/(n): thuốc lá
- 42. slope /sləʊp/(n): sườn, dốc
- 43. jungle stream /'dʒʌŋɡl - stri:m/(n): suối trong rừng

Notes:

1. far from
2. on the left/ on the right
3. on vacation
4. from...to
5. around the world
6. take a photo (of sb/ sth)

Mời bạn đọc thêm tài liệu Tiếng Anh [lớp 8](https://vndoc.com/mon-tieng-anh-lop-8) tại đây:

Bài tập Tiếng Anh lớp 8 theo từng Unit: <https://vndoc.com/tieng-anh-lop-8>

Bài tập Tiếng Anh lớp 8 nâng cao: <https://vndoc.com/tieng-anh-pho-thong-lop-8>

Bài tập trắc nghiệm trực tuyến Tiếng Anh lớp 8: <https://vndoc.com/test/mon-tieng-anh-lop-8>